TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ C** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 33/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 27-7-2020
V/v ly hôn; tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Thắm;

- Bà Nguyễn Kim Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 525/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/7/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần G, sinh năm 1994; đăng ký thường trú: Tổ 10, khu phố 3A, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Dương – vắng mặt;

- Bị đơn: Ông Ngô G, sinh năm 1988; đăng ký thường trú: Khu phố P, phường T, thành phố N, tỉnh Tây Ninh; đăng ký tạm trú: Tổ 10, khu phố 3A, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Dương – vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 26/6/202, nguyên đơn Trần G trình bày:

Bà G và ông G chung sống với nhau từ năm 2017, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố N, tỉnh Tây Ninh theo giấy chứng nhận kết hôn số 32/2017, do Ủy ban nhân dân phường T, thành phố N, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 11/3/2017, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên vợ chồng

thường hay cãi vã, ông G thường xuyên dùng lời lẽ xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bà G. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm tới cuộc sống của ai. Nay tình cảm vợ chồng không con, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà G yêu cầu ly hôn với ông G.

Về con chung: Bà G và ông G có 01 con chung tên Ngô T, sinh ngày 23/11/2017. Bà G yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T, bà G không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn ông Ngô G đã được tống đạt các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiêm họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên hòa giải đoàn tụ, tham gia phiên tòa. Tuy nhiên ông G không chấp hành theo giấy triệu tập, vắng mặt không lý do. Theo biên bản lấy lời khai 26/6/2020, ông G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông G thống nhất với lời trình bày của bà G quan hệ hôn nhân, ông G và bà G chung sống với nhau từ năm 2017, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố N, tỉnh Tây Ninh theo giấy chứng nhận kết hôn số 32/2017, do Ủy ban nhân dân phường T, thành phố N, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 11/3/2017, hôn nhân tự nguyện.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Ông G và bà G thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, nguyên nhân do bà G không quan tâm tới cuộc sống gia đình, thường xuyên đi nhậu nhẹt thâu đêm, mỗi lần bà G bỏ nhà đi ông G có la mắng nhưng bà G vẫn không thay đổi. Nay ông không đồng ý ly hôn với bà G do ông còn tình cảm với bà G và con chung còn nhỏ.

Về con chung: Ông G và bà G có 01 con chung tên Ngô T, sinh ngày 23/11/2017. Ông G yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, ông G không yêu cầu bà G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tại phiên tòa: Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C có ý kiến:

- Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ là đúng theo quy định; nguyên đơn và những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn không thực hiện nghĩa vụ phải có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Trần G mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Ngô G đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng ông G đều vắng mặt; việc vắng mặt của ông G không vì lý do bất khả kháng. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

Bà G à ông G tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố N, tỉnh Tây Ninh theo giấy chứng nhận kết hôn số 32/2017, do Ủy ban nhân dân phường Ninh Thạnh, thành phố N, tỉnh N cấp ngày 11/3/2017. Hôn nhân giữa bà G và ông G là hợp pháp theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Quá trình giải quyết vụ án, bà G và ông G đều thống nhất về mâu thuẫn hôn nhân, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, cãi vã, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, hiện tại không ai quan tâm tới cuộc sống của ai. Tháng 02/2020, bà G có nộp đơn lên Tòa án yêu cầu giải quyết ly hôn nhưng sau đó rút đơn để hàn gắn tình cảm gia đình nhưng không có kết quả. Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng và nhiều lần triệu tập ông G đến Toà án để hoà giải đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông G không chấp hành theo giấy triệu tập, không có mặt ở Toà án. Qua đó cho thấy ông G không có thiện chí hoà giải đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình. Điều này cũng cho thấy mâu thuẫn vợ chồng của bà G và ông G đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho bà G ly hôn với ông G.

Quá trình chung sống, bà G và ông G có 01 con chung tên Ngô T, sinh ngày 23/11/2017. Bà G và ông G đều yêu cầu tiếp tục trông nom, chăm sóc con chung. Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/6/2020 ông G trình bày thường xuyên phải tăng ca, luân phiên tuần làm ca ngày, tuần làm ca đêm. Bà G khai hiện đang làm công nhân cho Công ty TNHH S, công việc ít khi tăng ca, thu nhập hàng tháng khoảng 11.000.000 đồng, bà G có cung cấp hợp đồng lao động và bảng lương tháng 6/2020 để chứng minh cho yêu cầu của mình. Xét thấy nên giao con chung cho bà G chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo cho con chung được chăm sóc, nuôi dưỡng tốt hơn. Ông G có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Bà G và các thành viên trong gia đình không được cản trở ông G trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ này. Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà G không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Các đương sự tự khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Các đương sự tự khai không có nên không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà G yêu cầu ly hôn với ông G, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình không có giá ngạch. Theo khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà G phải chịu án phí là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần G đối với bị đơn ông Ngô G về việc:" Ly hôn; tranh chấp về nuôi con".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần G và ông Ngô G được ly hôn .

- Về con chung: Giao cho bà Trần G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Ngô T, sinh ngày 23/11/2017.

Ông Ngô G không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Ngô G có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Bà Trần G và các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Giang trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ này.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự tự khai không có nên không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự tự khai không có nên không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Trần G phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm án phí số AA/2016/0047728 ngày 23/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Trần Thị Thu Giàu, bị đơn ông Ngô Trường Giang vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- Các đương sự;
- UBND phường T, thành phố N, tỉnh Tây Ninh;
- Lưu: HSVA;VT.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Xuân